

Bộ phận Chiến lược đầu tư
DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN | Giá khi khuyến nghị | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Upside kỳ vọng | Upside còn lại | Vượt mục tiêu | Tổng biến động |
|-------------|---------------------|--------|---------------------|---------------|--------------|----------------|----------------|---------------|----------------|
| MWG* | 06/08/21 | 3 | 114,000 | Nắm giữ | 122,300 | 7.3% | - | 5.6% | 165.6% |
| CTG | 04/08/21 | 1 | 34,000 | Mua | 39,200 | 15.3% | 30.7% | - | -11.8% |
| TDM | 30/07/21 | 1 | 30,050 | Mua | 40,000 | 33.1% | 26.6% | - | 5.2% |
| HAH* | 03/08/21 | 3 | 49,000 | Nắm giữ | 60,000 | 22.4% | - | 16.7% | 193.6% |
| OCB* | 02/08/21 | 2 | 24,300 | Mua | 27,700 | 14.0% | 4.1% | - | 28.4% |
| VHM* | 31/05/21 | 2 | 102,600 | Nắm giữ | 102,300 | 0% | - | 1.6% | 35.6% |
| SZC* | 23/04/21 | 1 | 35,750 | Nắm giữ | 41,000 | 14.7% | - | 40.5% | 61.1% |
| DHC* | 30/10/20 | 1 | 35,440 | Giảm tỷ trọng | 39,760 | 17.1% | - | 131.4% | 159.6% |
| ACB* | 05/02/21 | 2 | 22,830 | Nắm giữ | 29,110 | 27.5% | - | 11.0% | 79.4% |
| VPB* | 05/02/21 | 2 | 22,820 | Nắm giữ | 24,670 | 8.1% | - | 55.2% | 172.4% |
| MBB | 11/06/21 | 3 | 29,185 | Tăng tỷ trọng | 32,593 | 11.7% | 15.6% | - | 122.8% |
| VIB* | 05/02/21 | 1 | 25,297 | Nắm giữ | 32,157 | 27.1% | - | 13.8% | 44.7% |
| TPB* | 05/02/21 | 1 | 26,700 | Nắm giữ | 34,500 | 29.2% | - | 27.8% | 65.2% |
| PNJ* | 31/07/20 | 2 | 80,900 | Nắm giữ | 86,000 | 6.3% | - | 17.9% | 94.1% |
| SBT | 02/08/20 | 2 | 20,550 | Nắm giữ | 24,000 | 16.8% | 6.9% | - | 13.8% |
| QNS | 08/02/21 | 1 | 37,200 | Mua | 54,000 | 45.2% | 4.7% | - | 38.7% |

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ | Risk/Reward Ratio | Lãi/Lỗ hiện tại |
|-------------|---------------------|-------------------|--------------|---------|-------------------|-----------------|
| BMC | 11/10/21 | 26,000 - 28,000 | 46,000 | 21,900 | 1:3 | -3.6% |
| TNG | 24/08/21 | 25,460 - 26,850 | 35,180 | 24,000 | 1:3 | 13.2% |
| SLS | 18/08/21 | 139,000 - 155,000 | 220,000 | 133,000 | 1:3 | 10.0% |
| BWE | 16/07/21 | 35,000 - 36,000 | 45,000 | 32,900 | 1:3 | 18.6% |
| LAS* | 21/06/21 | 13,000 - 14,000 | 19,000 | 11,800 | 1:2.3 | 42.1% |
| ABI | 17/06/21 | 52,000 - 56,000 | 75,000 | 49,000 | 1:2.7 | 23.2% |
| VND* | 09/06/21 | 32,280 - 35,100 | 50,140 | 29,460 | 1:2.7 | 51.0% |
| DPG* | 31/05/21 | 27,500 - 28,929 | 43,571 | 25,000 | 1:4 | 131.3% |
| GVR | 28/05/21 | 26,900 - 30,100 | 49,000 | 24,500 | 1:3.5 | 27.1% |
| SSI* | 20/05/21 | 25,100 - 26,950 | 35,250 | 23,100 | 1:2 | 49.5% |
| BSR* | 11/05/21 | 14,900 - 16,100 | 22,000 | 13,600 | 1:2.3 | 47.2% |
| SMC* | 11/05/21 | 35,300 - 38,000 | 51,000 | 32,000 | 1:2 | 43.9% |
| BCG | 12/04/21 | 13,800 - 14,400 | 20,300 | 12,500 | 1:3 | 53.8% |
| DIG | 08/04/21 | 25,667 - 26,522 | 40,211 | 23,186 | 1:4 | 44.6% |
| GMD* | 07/04/21 | 33,800 - 35,000 | 53,800 | 32,700 | 1:5 | 44.6% |
| STB* | 30/03/21 | 19,500 - 21,000 | 28,500 | 18,300 | 1:3 | 25.2% |
| TTF | 29/03/21 | 6,900 - 7,500 | 13,000 | 6,200 | 1:4 | 20.7% |
| VIC* | 26/03/21 | 96,900-101,300 | 128,900 | 95,100 | 1:4.5 | -8.9% |
| VCB | 18/03/21 | 96,300 - 98,500 | 125,000 | 94,000 | 1:6 | -3.6% |
| GEG | 08/03/21 | 16,550 - 17,650 | 25,700 | 15,455 | 1:4 | 17.3% |
| FCN | 08/03/21 | 14,000 - 15,000 | 22,000 | 13,400 | 1:4.5 | 2.0% |

| | | | | | | |
|-------------|----------|-----------------|---------|--------|-------|--------|
| PVD | 05/03/21 | 23,500 - 25,500 | 40,000 | 21,900 | 1:4 | 1.2% |
| TIG* | 05/03/21 | 7,545 - 8,455 | 13,636 | 7,273 | 1:4.5 | 104.6% |
| GAS | 17/02/21 | 80,000 - 83,500 | 117,000 | 73,700 | 1:3.5 | 37.1% |
| CNG | 17/02/21 | 21,900 - 23,000 | 31,500 | 20,600 | 1:3.5 | 74.3% |
| CCL | 17/02/21 | 11,000 - 12,000 | 19,000 | 9,700 | 1:3 | 42.5% |
| SAM | 17/02/21 | 11,200 - 12,100 | 22,500 | 10,200 | 1:5 | 34.7% |
| LAF | 27/01/21 | 12,800 - 14,500 | 21,500 | 11,800 | 1:2.5 | 20.7% |
| VSH* | 25/01/21 | 18,000 - 19,700 | 30,000 | 16,900 | 1:3.5 | 50.8% |
| MSR | 21/12/20 | 19,000 - 21,000 | 31,000 | 17,800 | 1:3 | 26.7% |
| SFI* | 09/12/20 | 29,200 - 31,000 | 46,500 | 27,700 | 1:5 | 77.4% |
| PGV* | 23/11/20 | 13,810 - 14,762 | 23,810 | 12,571 | 1:4 | 97.8% |
| CKG* | 19/11/20 | 8,230 - 8,650 | 11,300 | 7,890 | 1:3.5 | 188.4% |
| DRI* | 20/10/20 | 4,730 - 5,230 | 10,230 | 3,930 | 1:4 | 212.4% |

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ |
|-------------|---------------------|-----------------|--------------|--------|
| BID | 28/05/21 | 46,000 - 48,500 | 65,000 | 42,500 |
| SGR | 12/05/21 | 25,500 - 28,500 | 44,000 | 24,000 |
| CEO | 06/04/21 | 13,000 - 13,700 | 19,000 | 11,900 |

ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC

Thị trường duy trì sắc xanh trong buổi sáng và đến buổi chiều thì bắt đầu suy yếu, diễn biến đáng chú ý nhất ngày là vào cuối phiên khi một cú rơi rất nhanh khiến VNINDEX giảm tương đối sâu nhưng cũng rất nhanh sau đó bật lên trở lại, đóng cửa ở sát tham chiếu.

Tương quan tăng giảm nhìn chung nghiêng nhẹ về phía giảm với số lượng mã giảm trội hơn. VCB, VHM, SAB, CTG, HPG... là những cái tên tác động tiêu cực nhất đến VNINDEX, trong khi ở chiều ngược lại, sự hỗ trợ đáng kể đến từ MSN, TCB, VRE, PDR, OCB...

VN-INDEX



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX ngày 20/10/2021: (1) Biên độ dao động trung bình, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn nhiều so với mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày cao hơn nhiều ngày liền trước và cao hơn trung bình.

- ⇒ Chuỗi ngày dao động với biên độ hẹp đã kết thúc với những diễn biến cuối ngày. Một cú swing rất nhanh để loại bỏ những lực cung yếu đã kích thích khối lượng mua vào mạnh mẽ chờ sẵn ở vùng điểm thấp. Pha wash-out này rất có thể là dấu hiệu cho sự trở lại của xu hướng tăng cho chỉ số chung.

| Vai trò | Vùng điểm của VNIndex |
|----------|-----------------------|
| Hỗ trợ | 1,340 – 1,350 |
| | 1,380 |
| Kháng cự | 1,400 |
| | 1,420 – 1,450 |

TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS**Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – MSB VN**

Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2021. Theo đó, tính đến hết 30/09/2021, tổng tài sản của riêng MSB đạt hơn 195 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 10,5% so với đầu năm, vượt kế hoạch 190.000 tỷ đồng tổng tài sản hợp nhất của cả năm 2021. Trong đó, tăng trưởng phần cho vay khách hàng (chưa bao gồm TPDN) đến hết quý III/2021 của ngân hàng đạt hơn 23%, ở mức 97.860 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,31%, giảm so với quý 2 (1,6%).

Ngân hàng đã trích lập dự phòng 1.152 tỷ đồng cho các khoản vay khách hàng tính đến hết quý III, tăng 8,6% so với cuối quý II. Thu nhập lãi thuần (NII) 9 tháng đạt hơn 4.445 tỷ đồng, tăng hơn 38% so với cùng kỳ năm 2020. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ của MSB hết quý III/2021 đạt 2.445, gấp gần 5 lần so với cùng kỳ, đóng góp chính vẫn là nguồn thu từ hoạt động Bancas. Lũy kế 9 tháng, mảng ngân hàng riêng của MSB đạt được hơn 4.100 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, gấp hơn 2,5 lần với cùng kỳ, vượt kế hoạch lợi nhuận hợp nhất của năm 2021 (3.200 tỷ đồng).

Tổng Công ty Phân bón và hóa chất đầu khí – DPM VN

Trong 9 tháng đầu năm, công ty ước đạt doanh thu hợp nhất 7.558 tỷ đồng, tương đương 91% kế hoạch năm và tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.512 tỷ đồng, tương đương 346% kế hoạch năm 2021 và tăng 111% so với cùng kỳ năm 2020.

CTCP Chứng khoán FPT – FTS VN

Chứng khoán FPT (FPTS; HoSE: FTS) công bố BCTC quý III với doanh thu hoạt động đạt 435 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ. Trong đó, lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu hoạt động kỳ này với 160 tỷ đồng, gấp 21 lần cùng kỳ. Tiếp đến, mảng môi giới cũng đóng góp gần 154 tỷ đồng, gấp 3,4 lần. Lãi từ cho vay và phải thu cũng gấp 2,4 lần lên mức 112 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 296 tỷ đồng, gấp 6,2 lần quý III/2020.

Lũy kế 9 tháng, công ty đạt 1.024 tỷ đồng doanh thu hoạt động, gấp 4,7 lần cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 763 tỷ đồng, gấp 7,2 lần và vượt xa so với kế hoạch năm là 260 tỷ đồng.

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – POW VN

PV Power công bố kết quả kinh doanh quý 3 với doanh thu đạt 5.563 tỷ đồng, 32 tỷ đồng lãi sau thuế; giảm lần lượt gần 9% và 74% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là mức lợi nhuận quý thấp nhất kể từ khi tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý (năm 2017). 9 tháng, doanh thu hợp nhất ước đạt 21.187 tỷ đồng, giảm gần 2,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế ước tính 1.462 tỷ đồng, giảm khoảng 25 tỷ so với 9 tháng năm 2020.

SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY

| Mã CK | Sàn | Nội dung sự kiện | Ngày GD không hưởng quyền | Ngày đăng ký | Ngày thực hiện |
|-------|-------|---|---------------------------|--------------|----------------|
| AMV | HNX | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 21/10/2021 | 29/10/2021 | 21/10/2021 |
| CE1 | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 21/10/2021 |
| NRC | HNX | Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:5) | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 21/10/2021 |
| HNE | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (61đ/cp) | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 18/11/2021 |
| SRA | HNX | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 21/10/2021 |
| SID | Upcom | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 21/10/2021 |
| MHY | Upcom | Hủy ĐKGD cổ phiếu | 21/10/2021 | 21/10/2021 | 21/10/2021 |
| FMC | HSX | Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 21/10/2021 |
| TNC | HSX | Trả cổ tức năm 2020 (2.000 đ/cp) | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 5/11/2021 |
| ISH | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp) | 21/10/2021 | 22/10/2021 | 11/11/2021 |

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| IDC* | 28/05/21 | 36,000 – 38,500 | 56,000 | 33,000 | 1:3 | 45.5% | 59,700 | 55.1% |
| SGP* | 01/12/20 | 10,500 – 11,000 | 18,500 | 9,500 | 1:5 | 68.2% | 42,000 | 281.8% |
| SMC* | 30/10/20 | 11,200 – 12,000 | 16,000 | 11,000 | 1:4 | 33.3% | 25,500 | 112.5% |
| G36* | 05/11/20 | 9,160 – 9,830 | 13,300 | 8,770 | 1:3 | 35.3% | 14,700 | 49.5% |
| LSS* | 17/11/20 | 7,100 – 7,500 | 12,000 | 6,400 | 1:4 | 60.0% | 12,100 | 61.3% |
| POS* | 18/11/20 | 11,500 – 12,000 | 19,000 | 9,950 | 1:2.5 | 50.8% | 20,500 | 62.7% |
| SAC* | 01/12/20 | 8,800 – 9,500 | 14,700 | 8,300 | 1:4 | 54.7% | 16,400 | 72.6% |

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Lợi nhuận | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|---------------|--------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| LDG | 22/10/20 | 6,600 – 6,800 | 10,300 | 6,100 | 1:5 | 23.1% | 8,370 | 23.1% |
| HAG | 13/11/20 | 4,500 – 4,700 | 8,000 | 4,250 | 1:7 | 0.0% | 6,450 | 37.2% |
| PXS | 17/11/20 | 6,000 – 6,400 | 11,000 | 5,300 | 1:4 | 0.0% | 9,000 | 40.6% |

Các trạng thái đã cắt lỗ

| Mã cổ phiếu | Ngày khuyến nghị | Vùng giá mua | Giá mục tiêu | Cắt lỗ ở dưới | Risk: Reward Ratio | Mức lỗ | Giá cao nhất từng đạt | Lợi nhuận cao nhất từng đạt |
|-------------|------------------|-----------------|--------------|---------------|--------------------|--------|-----------------------|-----------------------------|
| VSH | 09/11/20 | 20,500 – 21,000 | 30,000 | 18,900 | 1:4 | -10.0% | 19,281 | -8.2% |
| MFS | 30/12/20 | 27,300 – 29,000 | 39,000 | 26,300 | 1:4 | -9.3% | 33,900 | 16.9% |
| BWE | 30/12/20 | 30,800 – 33,300 | 42,800 | 29,300 | 1:2.3 | -12.0% | 33,765 | 1.4% |
| CMX | 31/12/20 | 17,000 – 18,500 | 25,000 | 16,200 | 1:3 | -12.4% | 20,000 | 8.1% |

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

| Mã cổ phiếu | Ngày ra khuyến nghị | Lần KN / Tổng | Giá khi khuyến nghị | Giá mục tiêu cũ | Upside ban đầu | Tổng mức biến động | Ngày đóng khuyến nghị | Giá mục tiêu mới | Điều chỉnh giá mục tiêu |
|-------------|---------------------|---------------|---------------------|-----------------|----------------|--------------------|-----------------------|------------------|-------------------------|
| MWG* | 08/02/21 | 2/3 | 128,500 | 154,500 | 20.2% | 133.4% | 06/08/21 | 184,000 | +19.1% |
| VHM* | 16/11/20 | 1/2 | 76,600 | 88,315 | 15.3% | 33.9% | 31/5/21 | 102,300 | +15.8% |
| HAH* | 31/05/21 | 2/3 | 28,200 | 35,100 | 24.5% | 105.5% | 03/08/21 | 60,000 | +70.9% |
| OCB* | 20/05/21 | 1/2 | 20,720 | 24,800 | 19.7% | 17.3% | 02/08/21 | 27,700 | +11.7% |
| HAH | 02/04/21 | 1 / 2 | 24,650 | 29,800 | 20.9% | 14.4% | 31/05/21 | 35,100 | +17.8% |
| MBB* | 05/02/21 | 2 / 3 | 39,400 | 27,000 | 9.1% | 130.6% | 11/06/21 | 44,000 | +62.9% |
| SBT* | 02/11/20 | 1 / 2 | 18,500 | 22,200 | 20.0% | 11.1% | 08/02/21 | 24,000 | +8.1% |
| ACB* | 28/09/20 | 1 / 2 | 22,500 | 27,400 | 27.5% | 26.7% | 05/02/21 | 36,350 | +32.7% |
| VPB* | 28/09/20 | 1 / 2 | 22,800 | 27,400 | 20.2% | 62.3% | 05/02/21 | 40,000 | +46.0% |
| MBB* | 28/09/20 | 1 / 3 | 17,087 | 20,000 | 17.0% | 44.8% | 05/02/21 | 27,000 | +35.0% |
| MWG* | 31/07/20 | 1 / 3 | 73,470 | 123,000 | 67.4% | 74.9% | 08/02/21 | 154,500 | +25.6% |
| PNJ* | 31/07/20 | 1 / 2 | 51,000 | 74,200 | 45.5% | 58.6% | 08/02/21 | 86,000 | +15.9% |

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

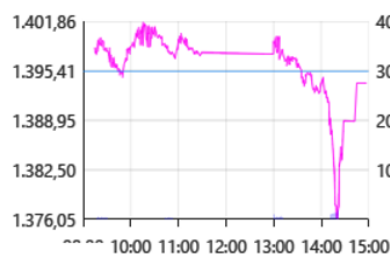
FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

BIẾN ĐỘNG NGÀY

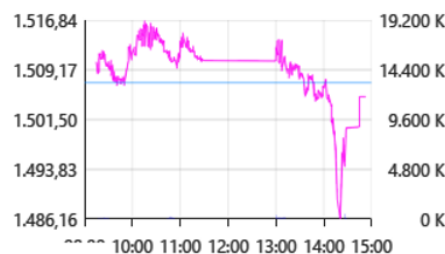
| Chỉ số | Điểm số | Biến động | Điểm | Khối lượng GD (triệu CP) | Giá trị GD (tỷ đồng) | Số mã tăng | Số mã không đổi | Số mã giảm |
|---------------|----------|-----------|-------|--------------------------|----------------------|------------|-----------------|------------|
| VN - Index | 1,393.80 | -0.11% | -1.53 | 845.89 | 23,780.4 | 180 | 60 | 242 |
| Vn30 - Index | 1,505.03 | -0.14% | -2.16 | 191.20 | 9,799.4 | 8 | 5 | 17 |
| Vn - Mid | 1,748.96 | 0.20% | 3.44 | 230.17 | 6,668.9 | 34 | 3 | 33 |
| VN - Small | 1,800.16 | 0.78% | 13.86 | 253.44 | 4,689.9 | 71 | 28 | 93 |
| HNX - Index | 388.29 | 0.33% | 1.29 | 134.43 | 2,532.7 | 128 | 59 | 149 |
| Upcom - Index | 99.68 | 0.08% | 0.08 | 105.89 | 1,800.1 | 176 | 58 | 139 |

BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY

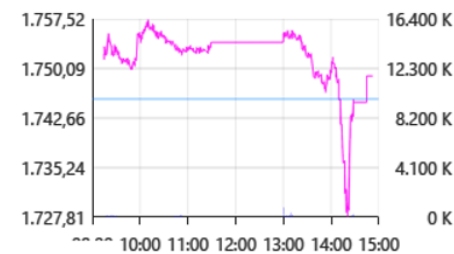
VN-INDEX



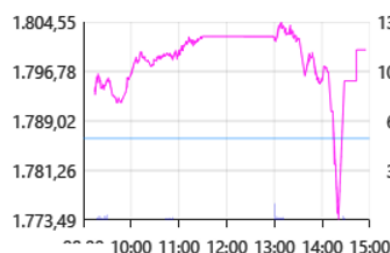
VN30



VN-MID



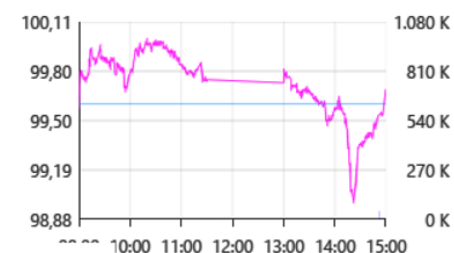
VN-SMALL



HNX-INDEX



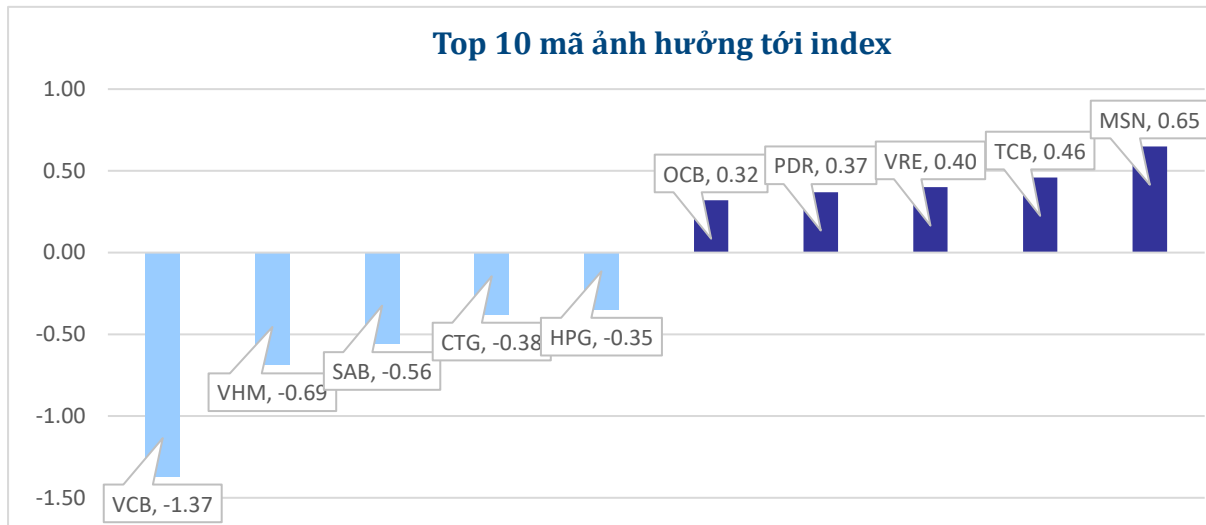
UPCOM



THANH KHOẢN NGÀY

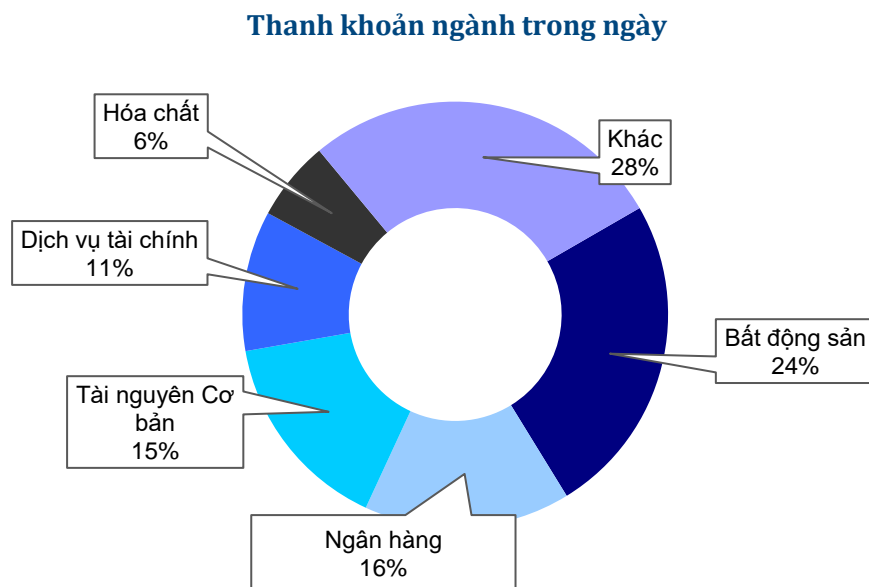
| Sàn | Giá trị giao dịch (tỷ đồng) | Thay đổi so với phiên trước | Khối lượng giao dịch (triệu CP) | Thay đổi so với phiên trước |
|-----|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| HSX | 23,780.40 | 16.89% | 845.89 | 32.29% |
| HNX | 2,532.70 | 17.80% | 134.43 | 25.66% |

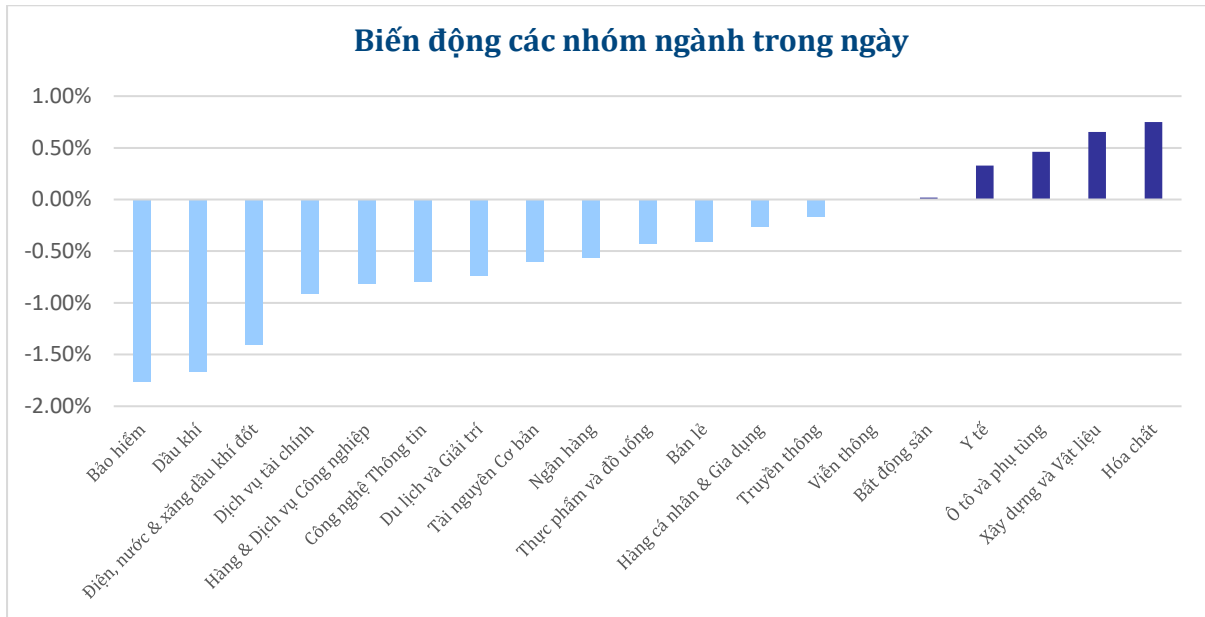
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY



| Top KLGD (triệu cổ phiếu) | | Top GTGD (tỷ đồng) | | Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên) | | Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | | Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ) | |
|---------------------------|-------|--------------------|---------|--------------------------------------|------|--|------|--|-------|
| HQC | 39.45 | HPG | 1,965.7 | VDS | 369% | HQC | 7.0% | DRH | -6.8% |
| HPG | 34.66 | TCB | 1,205.2 | PHR | 337% | ITC | 6.9% | FIT | -5.8% |
| TCB | 22.69 | PDR | 601.2 | SAM | 302% | TCD | 6.8% | HAH | -4.8% |
| TTF | 22.66 | SSI | 544.8 | HQC | 281% | DLG | 6.7% | HAR | -3.6% |
| ITA | 17.25 | HSG | 497.3 | TTF | 260% | TTF | 6.7% | TDH | -3.6% |

NHÓM NGÀNH

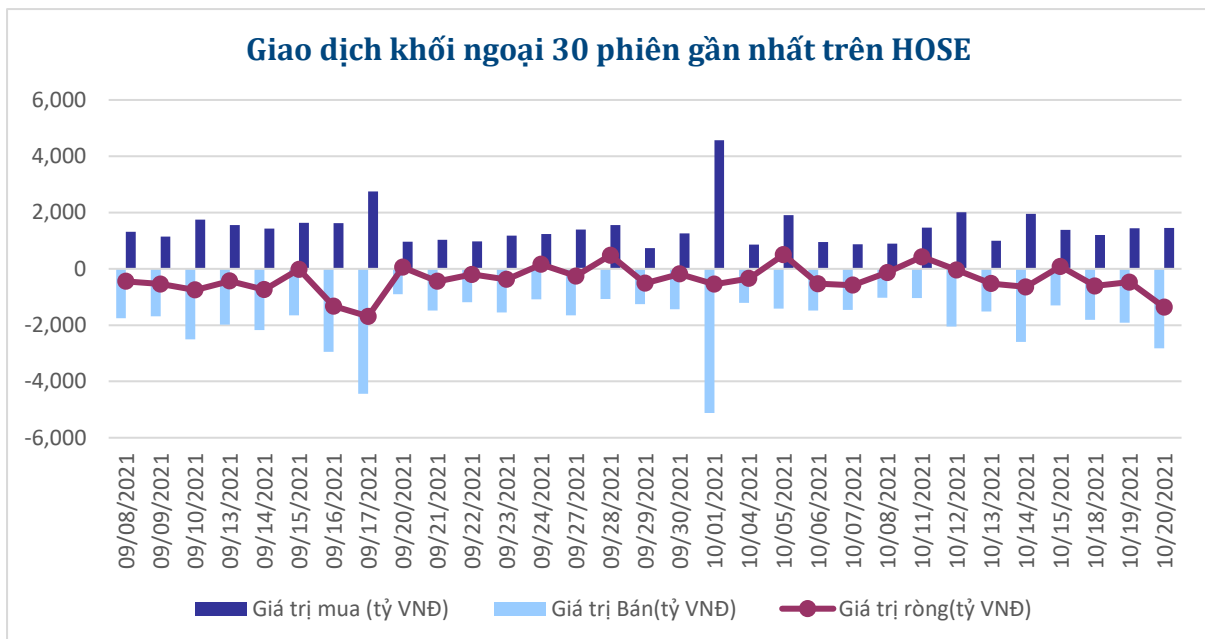




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 1,364.74 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 34.89 tỷ đồng.

| Top CP mua ròng | Giá trị mua ròng (tỷ đồng) | Top CP bán ròng | Giá trị bán ròng (tỷ đồng) |
|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
| FUESSVFL | 65.80 | HPG | 358.78 |
| VNM | 63.64 | NLG | 235.11 |
| DPM | 56.67 | VIC | 128.35 |
| E1VFN30 | 38.20 | VHM | 126.58 |
| FUEVFVND | 24.80 | VCB | 113.64 |





XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Khuyến nghị | Định nghĩa |
|----------------------|---|
| Mua | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Tích lũy | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập |
| Giảm tỷ trọng | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |
| Bán | Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực |

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

| Xếp loại | Định nghĩa |
|---------------------|--|
| Vượt trội | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực |
| Trung lập | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập |
| Kém hiệu quả | Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực |

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

| Thành viên | Vị trí | Phụ trách | Email | Ext. |
|----------------------------|---|-------------------------------|--|-------------|
| Võ Thế Vinh | Trưởng phòng | Phân tích & Chiến lược Đầu tư | vinhvt@gtjas.com.vn | 704 |
| Đỗ Trung Nguyên | Phó phòng | Chiến lược đầu tư | nguyendt@gtjas.com.vn | 703 |
| Trần Thị Hồng Nhung | Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Ngân hàng | nhungtth@gtjas.com.vn | 706 |
| Đinh Quang Đạt | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Tiêu dùng | datdq@gtjas.com.vn | |
| Phí Công Linh | Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp | Ngành Bất Động sản | linhpc@gtjas.com.vn | 709 |

| LIÊN HỆ | TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI | CHI NHÁNH TP. HCM |
|---|---------------------------------|--|
| Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 | P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower | Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM |
| Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 | Điện thoại: (024) 35.730.073 | Điện thoại: (028) 38.239.966 |
| Email: ivs@gtjas.com.vn | Fax: (024) 35.730.088 | Fax: (028) 38.239.696 |
| Website: www.gtjai.com.vn | | |